

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
(Ngày 06 tháng 12 năm 2021)<sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN THỊ HẠNH Ngày tháng năm sinh: 06/01/1969

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng.

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Mỹ Thịnh

- Nơi thường trú: Thôn Hàn Thông – xã Mỹ Thuận– huyện Mỹ Lộc – tỉnh Nam Định

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân 036169003602 ngày cấp 10/05/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vũ Văn Quân Ngày tháng năm sinh: 13/09/1969

- Nghề nghiệp: Tự do

- Nơi làm việc: Mỹ Thuận- Mỹ Lộc - Nam Định

- Nơi thường trú: Thôn Hàn Thông - xã Mỹ Thuận - huyện Mỹ Lộc - tỉnh Nam Định

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 163133497 ngày cấp 26/01/2008 nơi cấp Công an tỉnh Nam Định

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật): Không

3.1. Con thứ nhất: Không

- Họ và tên: Không. Ngày tháng năm sinh: Không

- Nơi thường trú: Không

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Không ngày cấp Không nơi cấp Không

3.2. Con thứ hai (trở lên): Không

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>: 1934 m<sup>2</sup>

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>: 297 m<sup>2</sup>

1.1.1. Thừa thứ nhất: 297 m<sup>2</sup>

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Thôn Hàn Thông – xã Mỹ Thuận– huyện Mỹ Lộc – tỉnh Nam Định

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 297 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 3 triệu VNĐ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Số I 943313 hộ ông: Vũ Văn Quân

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Không

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất: Không

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

*rl*

*mmr*

## 1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: đất trồng lúa Địa chỉ: Thôn Hàn Thông - xã Mỹ Thuận - huyện Mỹ Lộc - tỉnh Nam Định
- Diện tích: 1637 m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: không xác định được giá trị
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số I 943313 hộ ông: Vũ Văn Quân
- Thông tin khác (nếu có): Không

## 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không

## 2. Nhà ở, công trình xây dựng:

## 2.1. Nhà ở:

## 2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Hàn Thông - xã Mỹ Thuận - huyện Mỹ Lộc - tỉnh Nam Định
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 60 m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 80 triệu VNĐ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số I 943313 hộ ông: Vũ Văn Quân
- Thông tin khác (nếu có): Không

## 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không

## 2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình: Không Địa chỉ: Không
- Loại công trình: Không Cấp công trình: Không
- Diện tích: Không
- Giá trị<sup>(10)</sup>: Không.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không
- Thông tin khác (nếu có): Không

## 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: Không

- Loại cây: Không Số lượng: Không Giá trị<sup>(10)</sup>: Không
- Loại cây: Không Số lượng: Không Giá trị<sup>(10)</sup>: Không

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: Không

- Loại rừng: Không . Diện tích: Không Giá trị<sup>(10)</sup>: Không
- Loại rừng: Không Diện tích: Không Giá trị<sup>(10)</sup>: Không

## 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: không

- Tên gọi: Không Số lượng: Không . Giá trị<sup>(10)</sup>: Không
- Tên gọi: Không Số lượng: Không . Giá trị<sup>(10)</sup>: Không

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Tổng số tiền gửi ở ngân hàng tại Việt Nam là: 800.000.000 VNĐ ( Trong đó số tiền của gia đình là 400.000.000 VNĐ; số tiền gửi hộ con trai đang làm giáo viên là 250.000.000 VNĐ; số tiền gửi hộ con gái đang làm giáo viên là 150.000.000 VNĐ)

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu: Không. Số lượng: Không Giá trị: Không

- Tên trái phiếu: Không Số lượng: Không Giá trị: Không

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu: Không Số lượng: Không . Giá trị: Không

- Tên trái phiếu: Không Số lượng: Không . Giá trị: Không

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: Không

- Hình thức góp vốn: Không Giá trị: Không

- Hình thức góp vốn: Không Giá trị: Không

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: Không

- Tên giấy tờ có giá: Không Giá trị: Không

- Tên giấy tờ có giá: Không Giá trị: Không

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

62.000.000 VNĐ ( 2 xe máy)

- Tên tài sản: Xe máy LEAD Số đăng ký: 18B2-405.34 Giá trị: 42.000.000 VNĐ

- Tên tài sản: Xe máy WAVE Số đăng ký: 18B1-071.91. Giá trị: 20.000.000 VNĐ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: Không

- Tên tài sản: Không Năm bắt đầu sở hữu: Không Giá trị: Không

- Tên tài sản: Không Năm bắt đầu sở hữu: Không Giá trị: Không.

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: không

- Tên chủ tài khoản: không

- Không số tài khoản: không

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: không

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 87 triệu đồng

- Tổng thu nhập của chồng: 33 triệu đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

qu

mu2

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không biến động

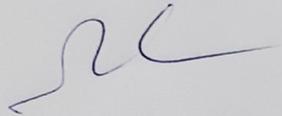
Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			

su

Mu2

<p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>			
---	--	--	--

Mỹ Lộc, ngày 13 tháng 12 năm 2021  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**



**Trần Quang Tú**  
**TCCB – PGDDĐT Mỹ Lộc**

Mỹ Lộc, ngày 06 tháng 12 năm 2021  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)



**Trần Thị Hạnh**